

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/HNGĐ-PT
Ngày 14 - 9 - 2026
V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Lê Phan Công Trí

Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2026/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2026 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 155/2026/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 44/2026/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Ánh L**, sinh năm: 1995; căn cước số: 096195000168 ngày 25/3/2021; nơi cư trú: **Ấp A, xã U, tỉnh Cà Mau** (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Kim Chan Đa R**, **Văn phòng L1** thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh C**. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Võ Văn C**, sinh năm: 1992; căn cước số: 096092008975 ngày 09/3/2022; nơi cư trú: **Ấp A, xã N, tỉnh Cà Mau** (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Trần Văn N**, sinh năm 1995; địa chỉ: **Số E, đường T, khu L, khóm A, phường A, tỉnh Cà Mau** (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông **Võ Văn C**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Lê Ánh L** trình bày:

Về hôn nhân: Bà **L** và ông **C** tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại **UBND xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau** (nay là **UBND xã N, tỉnh Cà Mau**) vào ngày 19/10/2022. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung. Hôn nhân không thể kéo dài nên bà **L** yêu cầu được ly hôn với ông **C**.

Về con chung: Bà **L** và ông **C** có 01 con chung tên **Võ Trọng N1** - sinh ngày 13/9/2023. Khi ly hôn bà **L** yêu cầu được nuôi dưỡng cháu **N1** và yêu cầu ông **C** cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà **L** xác định không yêu cầu ông **C** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông **Võ Văn C** trình bày:*

Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn do xác định bản thân ông không vi phạm nghĩa vụ vợ chồng dẫn đến phải ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên **Võ Trọng N1** - sinh ngày 13/9/2023 đang ở với ông **C**. Nếu ly hôn, ông **C** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu **N1**, không yêu cầu bà **L** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông **C** xác định tài sản chung của vợ chồng gồm có 01 lượng vàng 24K (01 dây chuyền, 01 lắc tay) và 100.000.000 đồng tiền mặt. Khi ly hôn yêu cầu chia các tài sản trên, ông **C** yêu cầu được nhận giá trị là 120.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ riêng: Quá trình chung sống, ông **C** đã trả nợ cho ông **Lê Văn T**, bà **Phạm Ánh N2** là cha mẹ ruột của bà **L** nên yêu cầu bà **L** trả lại cho ông 100.000.000 đồng.

Từ nội dung trên, tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 155/2026/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cà Mau đã quyết định:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Lê Ánh L**, cho bà **Lê Ánh L** ly hôn với ông **Võ Văn C**.

2. Về con chung: Giao cháu **Võ Trọng N1** - sinh ngày 13/9/2023 cho bà **Lê Ánh L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Buộc ông **Võ Văn C** giao cháu **Võ Trọng N1** - sinh ngày 13/9/2023 cho bà **Lê Ánh L** để bà **L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quyết định của Tòa án.

Ông **Võ Văn C** không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được

làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà **Lê Ánh L.**

3. Về cấp dưỡng: Do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Sau này, nếu có phát sinh tranh chấp, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu về phần tài sản và nợ thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 08/7/2026, bị đơn ông **Võ Văn C** kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, không đồng ý ly hôn, yêu cầu tiếp tục giao cháu **Võ Trọng N1** cho ông **C** trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp kháng cáo của bị đơn ông **Võ Văn C**; Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình số 155/2026/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn bà **L** khởi kiện ông **C** yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ. Bị đơn ông **C** cư trú tại **xã N, tỉnh Cà Mau**, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy ông **C** vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, cấp sơ thẩm tổng đạt bản án cho bị đơn ông **C** theo phương thức niêm yết vào ngày 22/6/2026, đến ngày 08/7/2026 Tòa án cấp sơ thẩm nhận được đơn kháng cáo của bị đơn ông **C** nộp qua đường bưu chính viễn thông, đóng dấu bưu điện

ngày gửi là ngày 07/7//2026 (BL 109) nên việc kháng cáo của bị đơn còn trong hạn luật định và bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông **Võ Văn C**:

[3.1] Kháng cáo về quan hệ hôn nhân: Bà **L** và ông **C** chung sống có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại **UBND xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau** (nay là **UBND xã N, tỉnh Cà Mau**) vào ngày 19/10/2022 nên hôn nhân của bà **L** và ông **C** là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, bà **L** xác định trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không còn sự quan tâm, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau, đã sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay, bà **L** cương quyết xin ly hôn. Hiện tại bà **L** đã không còn tình cảm và cương quyết xin ly hôn, ông **C** tuy không đồng ý ly hôn nhưng ông chỉ nêu lý do là ông không vi phạm nghĩa vụ vợ chồng và không nêu được phương pháp, kế hoạch hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà **L**. Xét thấy, hôn nhân cần được xây dựng trên tinh thần tự nguyện và các bên phải có tình cảm, cùng nhau đồng thuận xây dựng cuộc sống chung. Do đó, cấp sơ thẩm nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **L** xin ly hôn với ông **C** theo quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[3.2] Xét kháng cáo về con chung: Xét thấy, tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, không chỉ căn cứ duy nhất vào độ tuổi của con chung dưới 36 tháng tuổi mà đã xem xét, căn cứ nhiều điều kiện khác như điều kiện kinh tế, điều kiện về thời gian trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con... để quyết định việc giao con cho ai nuôi dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung, do đó, cấp sơ thẩm quyết định giao cháu **Võ Trọng N1** - sinh ngày 13/9/2023 (dưới 36 tháng tuổi) cho bà **L** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, đã xem xét, đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật đúng, đầy đủ, đảm bảo quyền lợi tốt nhất của cháu **N1**. Tại cấp phúc thẩm, ông **C** cung cấp bản photo bằng cấp và danh sách chi trả lương của ông. Xét thấy, các chứng cứ ông **C** cung cấp cũng là 1 trong các điều kiện tốt để nuôi con nhưng nếu xét về tất cả các điều kiện như đã nhận định trên thì cấp sơ thẩm giao cháu **N1** cho bà **L** trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ. Ngoài ra, ông **C** không cung cấp thêm chứng cứ khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông là phù hợp, ông **C** không chứng minh được bà **L** không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, buộc ông **C** giao cháu **N1** cho bà **L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông **C** yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng cháu **N1**.

[3.3] Xét kháng cáo về việc yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung và nợ riêng: Tại tòa án cấp sơ thẩm, ông C có đơn yêu cầu giải quyết về tài sản chung, các khoản nợ, tòa án cấp sơ thẩm đã giao Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí ngày 13/01/2026 cho ông C nhận vào ngày 22/01/2026 theo Biên bản giao nhận của Văn phòng T1 (Bút lục số 34), có ấn định trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, người có yêu cầu phải nộp tiền tạm ứng án phí và nộp lại biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án. Tuy nhiên, hết thời hạn do tòa án ấn định, ông C không thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí và ngày 04/02/2026 Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Thông báo không thụ lý yêu cầu về chia tài sản chung của ông C và ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào cùng ngày. Do đó, tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết yêu cầu chia tài sản chung và nợ của ông C trong cùng vụ án là phù hợp, đúng quy định pháp luật. Mặt khác, cấp sơ thẩm có dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác cho các đương sự khi phát sinh tranh chấp về tài sản chung hoặc nghĩa vụ tài sản chung, đã tuyên hoàn trả cho ông C toàn bộ tiền tạm ứng án phí chia tài sản ông C đã nộp nên quyền lợi của ông C và các đương sự vẫn được bảo vệ theo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông C đối với yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung và nợ riêng trong cùng vụ án.

[4] Xét ý kiến của người của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ y án sơ thẩm, như đã phân tích, đề nghị có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của người của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm, như đã nhận định tại các mục [3.1] đến [3.3] của bản án, không có căn cứ chấp nhận chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn.

[6] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 155/2026/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cà Mau. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí phúc thẩm: ông C kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn C; Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ

thẩm số 155/2026/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cà Mau.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 146, 147, 227, 228, 235 và 273 của;

Căn cứ vào các điều 53, 56, 58, 69, 81, 82 và 83 của ;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; Điều 27; Điều 29 của ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Lê Ánh L**, xử cho bà **Lê Ánh L** ly hôn với ông **Võ Văn C**.

2. Về con chung: Giao cháu **Võ Trọng N1** - sinh ngày 13/9/2023 cho bà **Lê Ánh L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Buộc ông **Võ Văn C** giao cháu **Võ Trọng N1** - sinh ngày 13/9/2023 cho bà **Lê Ánh L** để bà **L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quyết định của Tòa án.

*Ông **Võ Văn C** không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà **Lê Ánh L**.*

3. Về cấp dưỡng: Do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Sau này, nếu có phát sinh tranh chấp, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu về phần tài sản và nợ thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí:

5.1. Án phí sơ thẩm: Bà **Lê Ánh L** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà **L** đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003432 ngày 28/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Cà Mau được chuyển thu án phí toàn bộ.

Hoàn trả cho ông **Võ Văn C** số tiền tạm ứng án phí 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001516 ngày 06/02/2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Cà Mau.

5.2. Án phí phúc thẩm: Ông **Võ Văn C** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ông **C** đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0000763 ngày 16/7/2026 của cơ quan Thi hành án **dân sự tỉnh C** được chuyển thu án phí toàn bộ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TANDTC
tại TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 2 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (02 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Hải Hà Lê Phan Công Trí Châu Minh Nguyệt